

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 303/2021/HS - ST
Ngày: 03/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - T PHỐ HÀ NỘI

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Bà Nguyễn Anh Thư**

2. Bà Trần Thị Minh

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc**

- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Phương T - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - T phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 337/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2021/QĐXXST - HS ngày 20/10/2021 đối với bị cáo:

Phạm Thị T; Sinh năm: 1972; HKTT: Số 8, Ngõ 15, Đường 800A, phường N, quận C, Hà Nội; Nơi ở: Số 169, Ngõ T, phường T, quận H, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Đảng phái: Đã bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2013; Con ông: Phạm Văn N sinh năm 1948; con bà: Phạm Thị T sinh năm 1953; Gia đình có 03 chị em ruột, bị can là thứ ba; Chồng: Phan Tôn H sinh năm 1967 (đã ly hôn); Có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2011; Danh chỉ bản số 477 lập ngày 07/7/2021 tại Công an quận Hoàng Mai; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2021 và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an T phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại : 1.1 Anh Bùi Đức T , sinh năm 2001
Trú tại : Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định
Có mặt tại phiên tòa
1.2 Anh Hoàng Xuân T , sinh năm 2000

Trú tại : Xóm Bần 1, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Có mặt tại phiên tòa

1.3 Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1997

Trú tại : Tổ 8 phường T, T phố P, tỉnh Hà Nam

Vắng mặt tại phiên tòa

1.4 Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2000

Trú tại : Thôn Bến Hiệp, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Vắng mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

1.1 Chị Đào Thị T, sinh năm 1981

Trú tại : Số 149, phường T, quận H, Hà Nội

Vắng mặt tại phiên tòa

1.2 Chị Chu Thị T, sinh năm 1974

Trú tại : Số 89A phường T, quận H, Hà Nội

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/5/2021 đến ngày 29/6/2021, Phạm Thị T đã 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 19 giờ ngày 22/5/2021, T đón xe ôm của anh Bùi Đức Tsinh năm 2001, trú tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đi từ phố Bùi Thị Xuân đến Bệnh viện Thanh Nhàn, nói dối là đến gặp con gái để lấy điện thoại. Tiếp đó, T yêu cầu anh Tchở đi nhiều nơi khác và đến khoảng 23 giờ cùng ngày, anh Tchở T về khu vực cuối Ngõ 482, phố Trương Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội. Tại đây, T nói dối anh Tđề mượn điện thoại gọi cho con gái. Do tin lời nói của T nên anh Tđã đưa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 8 của mình cho T mượn. T vừa đi bộ vào trong ngõ vừa vờ gọi điện, được một đoạn thì T bỏ chạy. Anh Tnhìn thấy vậy nên chạy xe máy vào trong ngõ tìm nhưng không kịp. Sáng hôm sau, T đem chiếc điện thoại trên đến bán cho Cửa hàng mua bán điện thoại của chị Đào Thị T sinh năm 1981, ở Số 149, phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, T phố Hà Nội, với giá 1.800.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, T đến cửa hàng trên chuộc lại điện thoại với giá 1.900.000 đồng, rồi đem bán cho một nam giới không quen biết tại quán nước ở Ngã tư Trần Đại Nghĩa - Đại La với giá 2.200.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 23 giờ ngày 20/6/2021, T nhờ người không quen biết đặt xe ôm qua ứng dụng Grab và đón được xe của anh Hoàng Xuân T sinh năm 2000, trú tại xóm Bần 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ đến chở T từ đường

Trường Chinh đến đường Tam Trinh, rồi hỏi mượn điện thoại của anh T để vờ liên lạc lấy đồ nhưng không được. Sau đó, T trả anh T điện thoại và yêu cầu chở về khu vực cuối Ngõ 482, phố Trương Định như lần trước. Khi đến nơi, T lại mượn điện thoại của anh T, nói dối là để gọi cho con gái. Anh T tin lời nên đưa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max của mình cho T. T cầm theo điện thoại trên đi bộ vào trong ngõ vờ gọi điện, được một đoạn thì bỏ chạy. Anh T chạy xe máy đuổi theo nhưng không được. Sáng hôm sau, T đem chiếc điện thoại trên đến Cửa hàng cầm đồ ở Số 343C, phố Bạch Mai, gặp anh Cao Khắc Trọng sinh năm 1984, là nhân viên của cửa hàng, bán được 5.000.000 đồng.

Lần 3: Khoảng 23 giờ ngày 25/6/2021, T lại nhờ người đặt xe ôm qua ứng dụng Grab và đón được xe của anh Nguyễn Tiến Đsinh năm 1997, trú tại Tổ 8, phường Trần Hưng Đạo, T phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đến chở T từ phố Phương Mai đến đường Tam Trinh, rồi nói dối là đến gặp con trai để lấy điện thoại nhưng không được. Tiếp đó, T lại yêu cầu chở về khu vực cuối Ngõ 482, phố Trương Định gặp con gái để lấy điện thoại. Khi đến nơi, T hỏi mượn của anh Đ để gọi điện cho con gái. Anh Đ tin lời nên đưa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus cho T. T cầm điện thoại trên đi bộ vào trong ngõ vờ gọi điện, được một đoạn thì bỏ chạy thoát. Trên đường về nhà, T kiểm tra thấy trong ốp lưng điện thoại có 130.000 đồng nên lấy số tiền trên chi tiêu cá nhân. Sáng hôm sau, T đem bán chiếc điện thoại trên cho Cửa hàng mua bán điện thoại của chị Đào Thị T Là người đã mua điện thoại của T lần 1), được 400.000 đồng.

Lần 4: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/6/2021, T ở khu vực trước Trung tâm thương mại Trương Định và nhờ một nam giới không quen biết đặt giúp xe ôm qua ứng dụng Grab và đón được anh Nguyễn Đức T sinh năm 2000, trú tại thôn Bến Hiệp, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận chở T đến khu vực phố Hồng Mai. Trên đường đi, T nói dối anh T về việc vợ chồng con gái T cãi nhau nên đi tìm con gái. Khi đến nơi, T mượn điện thoại của anh T để vờ liên lạc với con gái nhưng không liên lạc được. Tiếp đó, T yêu cầu anh T chở về khu vực cuối Ngõ 482, phố Trương Định và tiếp tục mượn điện thoại để gọi điện. Do tin lời nên anh T đưa cho T mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của mình cho T. T cầm điện thoại trên đi vào trong ngõ vờ gọi điện. Lợi dụng lúc anh T đi vệ sinh không để ý, T bỏ chạy thoát. Sáng hôm sau, T đem điện thoại trên đến bán cho Cửa hàng mua bán điện thoại của chị Chu Thị T sinh năm 1974, ở Số 89A, phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, T phố Hà Nội, được 5.200.000 đồng.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, những người bị hại trong vụ án lần lượt đến cơ quan công an trình báo sự việc. Trên cơ sở lời khai của những người bị hại và rà soát đối tượng nghi vấn, ngày 02/7/2021, Cơ quan điều tra đã thi hành lệnh bắt

khẩn cấp đối với Phạm Thị T. Quá trình điều tra, T đã T khẩn khai nhận 04 lần thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm:

- Thu do chị Đào Thị T tự giác giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng (Đã qua sử dụng) và 100.000 đồng tiền hưởng lợi chênh lệch khi mua bán điện thoại.

- Thu do chị Chu Thị T tự giác giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng (Đã qua sử dụng).

- Thu do Phạm Thị T tự giác giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda màu vàng...

- Thu do anh Trần Ngọc Khoa Trung tâm thương mại Trương Định, Tâm Mai, Hoàng Mai, Hà Nội: 01 thẻ nhớ lưu giữ 02 đoạn dữ liệu hình ảnh liên quan đến đối tượng nghi vấn.

Ngoài ra, vật chứng của vụ án còn có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 8 do T chiếm đoạt của anh Bùi Đức T(Lần 1), sau đó đem bán cho người không quen biết; Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max do T chiếm đoạt của anh Hoàng Xuân T (Lần 2), T khai bán cho anh Cao Đức Trọng (Là nhân viên Cửa hàng cầm đồ tại 343C Bạch Mai), nhưng anh Trọng không thừa nhận, không có chứng cứ chứng minh và số tiền 130.000 đồng do T chiếm đoạt của anh Nguyễn Tiến Đnhưng đã chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, 02 chiếc điện thoại di động và số tiền nêu trên không thu giữ được.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá đối với số tài sản bị Phạm Thị T chiếm đoạt trong vụ án. Tại Kết luận định giá tài sản số 133 ngày 23/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hoàng Mai kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng trị giá 7.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng trị giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max màu trắng trị giá 16.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 8 màu xanh trị giá 3.400.000 đồng. Tổng cộng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 27.400.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus cho anh Nguyễn Tiến Đvà trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 cho anh Nguyễn Đức T. Riêng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda màu vàng đã thu giữ, là đồ dùng cá nhân của Phạm Thị T; số tiền 100.000 đồng, do chị T giao nộp tiền hưởng lợi chênh lệch từ việc mua bán điện thoại chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự

quận Hoàng Mai để chờ quyết định xử lý và 01 chiếc thẻ nhớ được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, anh Đ và anh T đều không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác. Anh Đ cũng không yêu cầu bồi thường số tiền 130.000 đồng cất trong ốp lưng điện thoại bị chiếm đoạt.

- Anh Bùi Đức T và anh Hoàng Văn T yêu cầu bồi thường trị giá tài sản bị chiếm đoạt.

- Chị Đào Thị T không yêu cầu trả lại số tiền 400.000 đồng đã bỏ ra mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng và 100.000 đồng tiền chênh lệch do mua bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 8 với T.

- Chị Chu Thị T yêu cầu trả lại số tiền 5.200.000 đồng đã bỏ ra mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 do T phạm tội mà có.

Trước cơ quan điều tra, Phạm Thị T đã khai nhận T phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị can phù hợp với lời khai của những người bị hại; lời khai của những người làm chứng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 324/CT - VKS ngày 11/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai đã truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo Phạm Thị T T khẩn khai nhận T phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố bị cáo là đúng, không oan, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 ; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo mức án từ 21 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Tiến Đ và anh Nguyễn Đức T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu nào khác nên không xem xét. Đối với số tiền

130.000 đồng cất trong ốp lưng điện thoại của anh Nguyễn Tiến Đoan bị cáo chiếm đoạt, anh Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nhưng xét đây là tiền do phạm tội mà có, buộc bị cáo phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 02 chiếc điện thoại không thu hồi được của anh Bùi Đức T và anh Hoàng Văn T, hai anh đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo đúng kết luận định giá nên buộc bị cáo phải trả cho anh Bùi Đức T số tiền 3.400.000 đồng; trả cho anh Hoàng Văn T số tiền 16.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Đào Thị T 400.000 đồng; trả lại cho chị T 5.200.000 đồng; Sung công 100.000 đồng thu của chị Đào Thị T; trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda màu vàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 22/5/2021 đến ngày 29/6/2021, Phạm Thị T đã 04 lần thuê xe ôm đi đến khu vực cuối Ngõ 482, phố Trương Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội, dùng cùng một thủ đoạn là vờ mượn điện thoại của bị hại để gọi điện cho người thân và sau đó bỏ chạy thoát, chiếm đoạt được số tài sản định giá T tiền tổng cộng 27.530.000 đồng. Trong đó, của anh Bùi Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 8 trị giá 3.400.000 đồng; của anh Hoàng Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max trị giá 16.000.000 đồng; của anh Nguyễn Tiến Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus trị giá 500.000 đồng và số tiền 130.000 đồng; của anh Nguyễn Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 trị giá 7.500.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân, do đó cần thiết phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới đủ giáo dục cho bị cáo.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo chưa có tiền án tiền sự nhưng bị cáo phạm tội liên tục trong thời gian ngắn nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 điều 52(phạm tội từ 02 lần trở lên). Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã khai báo T khẩn, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về phần dân sự và các vấn đề khác : Anh Đ và anh T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Đối với số tiền 130.000 đồng bị cáo T chiếm đoạt của anh Đ, do anh Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nhưng xét thấy đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải truy thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 02 chiếc điện thoại không thu hồi được của anh Bùi Đức T và anh Hoàng Văn T, hai anh đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo đúng kết luận định giá nên buộc bị cáo phải trả cho anh Bùi Đức T số tiền 3.400.000 đồng; trả cho anh Hoàng Văn T số tiền 16.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, chị Đào Thị T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 400.000 đồng, nhưng khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, chị T thay đổi yêu cầu và đề nghị bị cáo phải trả lại cho chị 400.000 đồng chị đã bỏ ra mua điện thoại của T. Do vậy, buộc bị cáo phải trả lại cho chị Đào Thị T 400.000 đồng; trả lại cho chị T 5.200.000 đồng; Tịch thu sung công 100.000 đồng của chị T là tiền chênh lệch do mua bán điện thoại với T. Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda màu vàng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với chị Đào Thị T và Chu Thị T là những người mua điện thoại của T nhưng đều không biết đây là tài sản do T lừa đảo chiếm đoạt mà có nên không có cơ sở để xử lý. Đối với anh Cao Đức Trọng(là nhân viên cửa hàng cầm đồ tại 343C Bạch Mai), do anh Trọng không thừa nhận đã mua điện thoại của T, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa anh Trọng và bị cáo T nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai nên cơ quan điều tra cũng không đủ chứng cứ chứng minh anh Cao Đức Trọng có liên quan đến vụ án này.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 174 ; điểm s khoản 1 Điều 51 ; điểm g khoản 1 điều 52; điều 47, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ: điều 106, Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục án phí Tòa án.

Tuyên bố: bị cáo Phạm Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt: Phạm Thị T 28(hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2021.

Hình phạt bổ sung : Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda màu vàng có số Imei : 865263031273475 ; Imei 2 : 865263031273483; Buộc bị cáo phải bồi thường cho: anh Bùi Đức Tsố tiền 3.400.000 đồng. anh Hoàng Văn T số tiền 16.000.000 đồng, chị Đào Thị T số tiền 400.000 đồng; chị T số tiền 5.200.000 đồng. Buộc bị cáo phải truy nộp số tiền do phạm tội mà có là : 130.000 để sung công quỹ Nhà nước. Tịch thu sung công 100.000 đồng thu giữ của chị Đào Thị T.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai theo phiếu nhập kho vật chứng số 07 ngày 12/10/2021 và giấy nộp tiền ngày 28/9/2021)

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đoạch niêm yết bản án. Bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đoạch niêm yết bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANTPHN, VKSNDTPHN
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Công an quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 2
- Bị cáo.
- Lưu VP; HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc

